

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **14/2024/HSST**

Ngày 06/6/2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Ngọc Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Vinh và bà Phan Thị Thiệu.

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Đình Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024, tại hội trường xét xử A, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai, hình thức trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2024/HSST, ngày 11/3/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HS ngày 29/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐ-HS ngày 10/4/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Vũ Văn B**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 03/01/1997 tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Vũ Văn P và bà Nguyễn Thị Thanh M; Bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Nguyễn Ngọc Bảo N, không đăng ký kết hôn và có 01 con chung, sinh năm 2017.

Tiền sự: Không;

Tiền án:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 358/2018/HSST ngày 27/12/2018, Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 03 tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Ngày 02/11/2019, bị cáo chấp hành xong hình phạt, nhưng chưa nộp án phí hình sự sơ thẩm và tiền truy thu sung Ngân sách Nhà nước nên chưa được xóa án tích.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HSST ngày 23/01/2024, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 03 tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 03/11/2023 cho đến nay – có mặt.

2. Họ và tên: **Hồ Tổng Anh K**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 15/02/2003, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Số F N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Con ông: Hồ Tổng Quốc C và bà: Phan Thị Mỹ D; Bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Phùng Ngọc Kim C1, không đăng ký kết hôn và có 01 con chung sinh năm 2021; Tiền sự, tiền án: Không

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C từ ngày 02/01/2024 cho đến nay – có mặt

** Bị hại:*

1. Ông Bùi Ngọc T, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk - (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Ông Phạm Thê B1, sinh năm 1997; địa chỉ: Buôn P, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk - (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Cháu Lương Hoàng N1, sinh năm 2007; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – (vắng mặt).

Đại diện hợp pháp của cháu N1: Ông Lương Văn Đ, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - (vắng mặt).

** Người làm chứng:* Anh Trần Hải N2, sinh năm 2005; địa chỉ: Thôn H, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ ngày 14/8/2023, Vũ Văn B điều khiển xe máy nhãn hiệu Nagaki, không gắn biển kiểm soát (*xe của anh Lương Hoàng N1 cho anh Trần Hải N2 mượn, sau đó anh N2 cho B mượn*) đến phòng trọ của Hồ Tổng Anh K thuê ở số nhà A N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để rủ K đi đến nhà bạn ở huyện K, tỉnh Đắk Lắk để uống rượu. Tuy nhiên, khi cả hai đi đến đoạn đường thuộc km 17, Quốc lộ B, thì bạn của B gọi điện nói “*ngủ nhậu rồi*”. Nghe vậy, B không quay về mà nảy sinh ý định xuống khu vực chợ V, thuộc thôn B, xã E, huyện C để trộm cắp tài sản nên nói với K “*Đi kiếm ít đồ về phòng nhậu luôn*” thì K đồng ý.

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 15/8/2023, cả hai đi đến khu vực chợ V 4 thì thấy ki ốt bán quần áo, giày dép của gia đình ông Bùi Ngọc T (*sinh năm 1967*) ở chợ V 4 chỉ phủ tấm bạt để che hàng hoá mà không có người trông coi nên B nói với K đi vào trộm thì K đồng ý. B để xe cách ki ốt khoảng 15 m rồi đi bộ cùng K vào trong ki ốt. Tại đây, B lấy 01 va li màu đen đưa cho K và K cũng lấy 01 ba lô rồi kéo khoá va li mở sẵn ra để xuống nền nhà. Lúc này, B lấy 14 cái áo khoác, 02 đôi giày thể thao, 04 đôi dép quai ngang và 01 đôi dép xốp đưa cho K bỏ vào trong va li. B chỉ vào 01 đôi dép quai ngang vừa đưa và nói với K “*Đôi dép kia vừa với mày á*”, K thấy không vừa nên bỏ đôi dép này lại không lấy. Sau đó, B tiếp tục vào các kệ hàng phía bên trong để tìm tài sản trộm cắp thì bị ông T phát hiện. B và K bỏ lại tất cả tài sản vừa trộm cắp được cùng với chiếc xe máy rồi chạy bộ về hướng xã E, huyện C. Khi cả hai chạy ngang tiệm mỹ phẩm của anh Phạm Thế B1 (*sinh năm 1997*) ở buôn P, xã E, huyện C thì thấy 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger màu trắng, biển kiểm soát 47C-351.55 của anh Thế B1 đậu trước cửa tiệm. B1 liền bật đèn pin điện thoại soi qua kính xe thì thấy bên trong có 01 cái ví da, B1 nói với K “*Trong xe có ví mày đợi tao xúu*”, sau đó B1 lấy trong túi quần ra 01 con dao (*loại dao gấp*) mà B1 mang theo trước đó để cạy cửa xe nhưng không mở được cửa. Thấy vậy, K cũng dùng tay giật mạnh vào cửa bên phụ của xe để mở lấy tài sản nhưng không mở được. Sợ mọi người phát hiện nên B1 nhặt 01 sợi dây dù rồi buộc vào cửa ra vào của tiệm, còn K đi trước để tìm nước uống. Lúc này, B1 nhặt 01 cục đá kích thước (30x30) cm đập vào kính bên phía tài xe ô tô 03-04 cái làm kính vỡ. B1 thò tay vào bên trong lấy được ví da (*bên trong có 01 thẻ ngân hàng, 01 căn cước công dân đều mang tên anh Phạm Thế B1, số tiền 160.000 đồng, 01 tờ Bạt Thái Lan có mệnh giá 20 Baht*) rồi bỏ chạy. Khi chạy được khoảng 30 m thì B1 mở ví ra lấy 01 thẻ ngân hàng, 01 căn cước công dân, số tiền 160.000 đồng, 01 tờ Bạt Thái Lan có mệnh giá 20 Baht ở ngăn đầu tiên của ví bỏ vào túi quần rồi vút ví bên đường. Sau đó, B1 dùng điện thoại gọi xe taxi và chạy đến chỗ K, đồng thời đưa cho K 60.000 đồng trong số tiền 160.000 đồng B1 vừa trộm cắp được. Tuy nhiên, do không đủ trả tiền taxi nên B1 lấy lại số tiền 60.000 đồng từ K và dùng thêm 100.000 đồng vừa trộm cắp được để trả tiền cho tài xế taxi (*B1 và K không nhớ biển số xe và nhân thân, lý lịch của người chở và người này cũng không biết việc B1 và K vừa trộm cắp*). Đến ngày 15/9/2023, anh Phạm Thế B1 làm đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện giải quyết theo quy định của pháp luật (BL 22, 73, 78, 82, 84, 85, 88, 91, 95, 99).

* Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 48/KL-HĐĐGTS ngày 15/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, kết luận: *Kính cửa trước bên trái xe ô tô nhãn hiệu Ford loại Ranger bị thiệt hại 1.782.000 đồng; 01 cái vali màu đen, kích thước (60x40x20) cm tại thời điểm định giá ngày 15/8/2023 trị giá 640.000 đồng; 01 cái ba lô nhãn hiệu Hat60weiye (HB) trị giá 158.333 đồng; 14 cái áo khoác nhẹ Quảng Châu nhãn hiệu OUYUBO trị giá 4.503.333*

đồng; 02 đôi giày thể thao màu trắng trị giá 350.000 đồng; 03 đôi dép da quai ngang trị giá 285.000 đồng; 01 đôi dép xốp trị giá 125.000 đồng; 01 tờ Đ1 (USD) có mệnh giá 100 USD trị giá 2.355.000 đồng; 01 tờ Bạc Thái Lan có mệnh giá 20 Baht trị giá 13.680 đồng; 01 cái ví da nhãn hiệu Pedro, màu đen trị giá 750.000 đồng (BL: 59, 60).

Quá trình điều tra, bị hại anh Phạm Thế B1 đã khai nhận bị mất 01 tờ Đôla Mỹ (USD) có mệnh giá 100 USD. Tuy nhiên, quá trình chuẩn bị xét xử thì bị hại anh Phạm Thế B1 thay đổi lời khai, đính chính lại tài sản anh B1 bị mất trộm gồm: 01 ví da bên trong có số tiền 160.000 đồng, 01 tờ tiền Thái Lan mệnh giá 20 Baht, 01 thẻ căn cước công dân và 01 thẻ ngân hàng đứng tên Phạm Thế B1. Ngoài ra không bị mất tài sản nào khác.

Tại Bản cáo trạng số: 09/CT-VKS-HS ngày 11/3/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk truy tố các bị cáo Vũ Văn B và Hồ Tổng Anh K về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin xin rút một phần Quyết định truy tố số 09/CT-VKS-HS ngày 11/3/2024 về việc truy tố số tiền 100USD (là 2.355.000 đồng) và xin rút tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hồ Tổng Anh K.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Vũ Văn B và Hồ Tổng Anh K phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm h, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Vũ Văn B mức án tù 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt 15 tháng tù của Bản án số 17/2024/HSST ngày 23/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Tổng hình phạt chung của 02 bản án là 02 năm 09 tháng đến 03 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành án tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 03/11/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Hồ Tổng Anh K mức án tù 09 tháng đến 12 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C trả lại các tài sản sau cho các chủ sở hữu gồm:

+ 01 xe máy nhãn hiệu Nagaki màu đen, không có biển số, số khung VDGZS139FMBN026240, số máy RNDDCBKND8102640 trả cho anh Lương Hoàng N1;

+ 01 tờ tiền Bạc Thái Lan mệnh giá 20 Baht (do Vũ Văn B giao nộp) trả cho anh Phạm Thế B1.

- Đối với 01 đĩa DVD có chứa hình ảnh B1 và K đang trộm cắp tại ki ốt của gia đình ông Bùi Ngọc T (do ông T cung cấp) và 01 đĩa DVD có chứa hình ảnh B1 và K đang trộm cắp tài sản của anh Phạm Thế B1 (do anh B1 cung cấp) là chứng cứ của vụ án nên lưu giữ vào hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen mà bị cáo Vũ Văn B sử dụng để soi đèn pin tìm kiếm tài sản trộm cắp trong xe và 01 con dao (loại dao gấp) để cạy cửa xe, sau đó đã bị hư hỏng, B vứt bỏ điện thoại và con dao nêu trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không thu giữ được.

- Đối với 01 viên đá, kích thước khoảng (30x30) cm mà bị cáo Vũ Văn B sử dụng để đập kính xe ô tô, B vứt lại trên đường gần khu vực gần tiệm mỹ phẩm của anh Phạm Thế B1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

- Đối với chiếc ví da bên trong có chứa 01 tờ đô la Mỹ mệnh giá 100 USD mà các bị can đã trộm của anh Phạm Thế B1, thì sau khi trộm cắp, B1 đã vứt lại bên đường thuộc buôn P, xã E, huyện C. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

- Đối với 01 thẻ ngân hàng và 01 căn cước công dân đều mang tên anh Phạm Thế B1, sau khi trộm cắp được B1 để các giấy tờ này trong túi quần nhưng sau đó làm thất lạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không thu giữ được.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Bùi Ngọc T và anh Phạm Thế B1 không yêu cầu các bị cáo bồi thường về các tài sản đã chiếm đoạt. Đồng thời anh B1 cũng không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường trị giá thiệt hại của kính ô tô bị đập phá. Đối với các giấy tờ tùy thân (01 thẻ ngân hàng và 01 căn cước công dân đều mang tên anh Phạm Thế B1) thì anh B1 cũng không yêu các bị cáo bồi thường.

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản cáo trạng đã truy tố và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Tại lời nói sau cùng các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, truy tố. Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền về trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét sự vắng mặt của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án, căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tình tiết phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra, bị hại anh Phạm Thế B1 đã khai nhận bị mất 01 tờ Đôla Mỹ (USD) có mệnh giá 100 USD. Tuy nhiên, quá trình chuẩn bị xét xử thì bị hại anh Phạm Thế B1 thay đổi lời khai về việc không bị mất trộm 01 tờ Đôla Mỹ có mệnh giá 100 USD. Đồng thời, tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, các bị cáo Vũ Văn B và Hồ Tống Anh K đều khai nhận không biết có tờ tiền 100USD nên không có căn cứ buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền 100USD này. Do đó, giá trị tài sản bị thiệt hại của anh Phạm Thế B1 là 923.680 đồng.

Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 15/8/2023, Vũ Văn B và Hồ Tống Anh K đã đột nhập vào ki ốt của gia đình ông Bùi Ngọc T ở chợ V, thuộc thôn B, xã E, huyện C trộm cắp 01 vali màu đen, kích thước (60x40x20) cm, 01 ba lô nhãn hiệu Hat60weiye, 14 áo khoác nhẹ Q nhãn hiệu OUYUBO, 02 đôi giày thể thao màu trắng, 03 đôi dép quai ngang và 01 đôi dép xốp, các tài sản này có tổng trị giá là 6.061.666 đồng thì bị phát hiện nên B và K bỏ chạy không lấy được tài sản. Sau đó, B và K tiếp tục đi đến buôn P, xã E, huyện C thì nhìn thấy xe ô tô biển kiểm soát 47C-351.55 của anh Phạm Thế B1 đang đậu trước cửa tiệm nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong xe. B1 đã dùng đá đập vỡ kính bên phía tài rồi lấy đi một ví da bên trong có số tiền 160.000 đồng, 01 tờ tiền Thái Lan mệnh giá 20 Baht, 01 thẻ căn cước công dân và 01 thẻ ngân hàng của anh Phạm Thế B1.

Hành vi của bị cáo Vũ Văn B và Hồ Tống Anh K đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Điều 173 Bộ Luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[4] Xét thấy, hành vi tội phạm do các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an toàn của địa phương và quyền sở hữu của người bị hại được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nên nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, là phạm tội nhưng vì bản chất lười lao động lại mong muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu cá nhân và xem thường pháp luật nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi, lợi dụng sự sơ hở của các chủ tài sản, lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Do đó đối với hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người công dân tốt, có ích cho xã hội. Trong vụ án này có 02 bị cáo cùng tham gia thực hiện tội phạm. Tuy nhiên tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo khác nhau nên cần phân hóa để áp dụng mức hình phạt cho phù hợp.

Đối với bị cáo Vũ Văn B, mặc dù giá trị tài sản trộm cắp của anh Phạm Thế B1 có giá trị 923.680 đồng (dưới 2.000.000 đồng) nhưng bị cáo Vũ Văn B đã có 01 tiền án về tội “*Trộm cắp tài sản*” chưa được xóa án tích nên bị cáo phạm tội lần này vẫn đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo tham gia trộm cắp với vai trò là người khởi xướng, rủ rê bị cáo K cùng thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người trực tiếp thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” và “*Tái phạm*” được quy định tại điểm h, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do đó mức hình phạt đối với bị cáo B phải cao hơn bị cáo K.

Đối với bị cáo Hồ Tổng Anh K, khi được bị cáo B khởi xướng, rủ đi trộm cắp thì bị cáo cũng đồng ý và thực hiện hành vi một cách tích cực. Bị cáo thực hiện 02 vụ trộm cắp, trong đó có vụ trộm cắp tài sản của anh Phạm Thế B1 có tổng giá trị tài sản thiệt hại là 923.680 đồng, chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên mức hình phạt đối với bị cáo K thấp hơn bị cáo B1.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn (*vụ trộm cắp tài sản của gia đình ông T chưa gây thiệt hại*) nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1

Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo. Ngoài ra, bị cáo B1 đã tự khai ra vụ việc B1 cùng K thực hiện trộm cắp tài sản của gia đình ông T nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*người phạm tội tự thú*”; Bị cáo K “*phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”; có hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, r khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét áp dụng khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo nhằm thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật Nhà nước.

[3] Về các biện pháp tư pháp:

* *Về vật chứng của vụ án*: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện C ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại các tài sản sau cho các chủ sở hữu gồm:

+ 01 xe máy nhãn hiệu Nagaki màu đen, không có biển số, số khung VDGZS139FMBN026240, số máy RNDDCBKND8102640 trả cho anh Lương Hoàng N1;

+ 01 tờ tiền Bạc Thái Lan mệnh giá 20 Baht (do Vũ Văn B giao nộp) trả cho anh Phạm Thế B1.

- Đối với 01 đĩa DVD có chứa hình ảnh B1 và K đang trộm cắp tại ki ốt của gia đình ông Bùi Ngọc T (do ông T cung cấp) và 01 đĩa DVD có chứa hình ảnh B1 và K đang trộm cắp tài sản của anh Phạm Thế B1 (do anh B1 cung cấp) là chứng cứ của vụ án nên lưu giữ vào hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen; chiếc ví da; 01 viên đá, kích thước khoảng (30x30) cm; 01 thẻ ngân hàng và 01 căn cước công dân đều mang tên anh Phạm Thế B1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được nên không có căn cứ để xử lý.

* *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại ông Bùi Ngọc T và anh Phạm Thế B1 không yêu cầu các bị cáo bồi thường về các tài sản đã chiếm đoạt. Đồng thời anh B1 cũng không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường trị giá thiệt hại của kính ô tô bị đập phá, không yêu cầu bồi thường các giấy tờ tùy thân gồm 01 thẻ ngân hàng và 01 căn cước công dân mang tên anh Phạm Thế B1 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Các tình tiết khác:

- Đối với hành vi của bị cáo Vũ Văn B dùng đá đập vỡ kính xe ô tô của anh Phạm Thế B1 để trộm cắp tài sản thiệt hại trị giá 1.782.000 đồng, xét thấy, trị giá thiệt hại dưới 2.000.000 đồng và B1 chưa có tiền án, tiền sự gì về hành vi hủy

hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản nên không cấu thành tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*” theo quy định tại Điều 178 Bộ luật Hình sự. Do vậy, ngày 20/02/2024, Công an huyện C đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 4.000.000 đồng đối với Vũ Văn B về hành vi Cố ý làm hư hỏng tài sản là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với hành vi của Hồ Tổng Anh K tham gia trộm cắp tài sản gồm một ví da trị giá 750.000 đồng, bên trong có số tiền 160.000 đồng, 01 tờ tiền Thái Lan mệnh giá 20 Baht, 01 thẻ căn cước công dân và 01 thẻ ngân hàng của anh Phạm Thế B1 có tổng trị giá là 923.680 đồng, xét thấy trị giá tài sản bị trộm cắp dưới 2.000.000 đồng và bị cáo K chưa bị xử lý hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hay đã bị kết án về các tội quy định tại các Điều 168, 169, 170, 171 hay 172, 174, 175 và 290 Bộ luật hình sự chưa được xóa án tích nên chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó đề nghị Công an huyện C ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Hồ Tổng Anh K về hành vi trộm cắp tài sản của anh Phạm Thế B1 theo quy định pháp luật.

- Đối với anh Lương Hoàng N1 và anh Trần Hải N2, quá trình điều tra xác định được cả hai người này không biết việc Vũ Văn B và Hồ Tổng Anh K sử dụng xe máy làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện không đề cập xử lý là có căn cứ.

- Bị cáo Vũ Văn B gọi điện cho tài xế xe taxi nhưng B không biết người này là ai, trên đường đi B và K cũng không nói với người này về việc B và K vừa mới thực hiện hành vi trộm cắp và số tiền mà B và K trả là số tiền trộm cắp mà có. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện không đề cập xử lý là có cơ sở.

[8] Về án phí: Các bị cáo Vũ Văn B và Hồ Tổng Anh K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Văn B và Hồ Tổng Anh K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn B 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt 01 năm 03 tháng tù của Bản án số 17/2024/HSST ngày 23/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/11/2023.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38, điểm i, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hồ Tổng Anh K 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/01/2024.

Kiến nghị Công an huyện C xử phạt vi phạm hành chính đối với Hồ Tổng Anh K về hành vi trộm cắp các tài sản gồm một ví da, bên trong có số tiền 160.000 đồng, 01 tờ tiền Thái Lan mệnh giá 20 Baht, 01 thẻ căn cước công dân và 01 thẻ ngân hàng của anh Phạm Thế B1 có tổng trị giá là 923.680 đồng vào ngày 14/8/2023 theo quy định pháp luật.

2. Về các biện pháp tư pháp:

* *Về vật chứng của vụ án:* Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện C ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại các tài sản sau cho các chủ sở hữu gồm:

+ 01 xe máy nhãn hiệu Nagaki màu đen, không có biển số, số khung VDGZS139FMBN026240, số máy RNDDCBKND8102640 trả cho anh Lương Hoàng N1;

+ 01 tờ tiền Bạt Thái Lan mệnh giá 20 Baht (do Vũ Văn B giao nộp) trả cho anh Phạm Thế B1.

- Lưu giữ vào hồ sơ vụ án đối với 01 đĩa DVD có chứa hình ảnh B1 và K đang trộm cắp tại ki ốt của gia đình ông Bùi Ngọc T (do ông T cung cấp) và 01 đĩa DVD có chứa hình ảnh B1 và K đang trộm cắp tài sản của anh Phạm Thế B1 (do anh B1 cung cấp).

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen; chiếc ví da; 01 viên đá, kích thước khoảng (30x30) cm; 01 thẻ ngân hàng và 01 căn cước công dân đều mang tên anh Phạm Thế B1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được nên không có căn cứ để xử lý.

(Vật chứng có đặc điểm và số lượng như Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C và anh Phạm Thế B1; ông Lương Hoàng N1 cùng ngày 28/02/2024).

** Về trách nhiệm dân sự:* Các bị hại không yêu cầu bồi thường nên HĐXX không đặt ra để xem xét.

2. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Vũ Văn B và Hồ Tổng Anh K phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Công an huyện Cư Kuin;
- CCTHADS huyện Cư Kuin;
- THA phạt tù (để thi hành);
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tạ Thị Ngọc Diệp